TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2023/QĐST-HNGĐ	*Ngọc Hồi, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thanh T – sinh năm 1999;

Bị đơn: Anh Trần Như H – sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thanh T – sinh năm 1999 và anh Trần Như H – sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Thôn 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thanh T và anh Trần Như H, thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thanh T và anh Trần Như H chấm dứt kể từ ngày 14/8/2023.

2.2. Về con chung: Chị Phan Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Phan Gia H – sinh ngày 11/4/2018; Anh Trần Như H trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Phan Trâm A – sinh ngày 10/7/2020 đến khi hai con trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thanh T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Phan Thanh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0002902 ngày 22-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- UBND TT Plei Kần, h. Ngọc Hồi;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen